

**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT
DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009
đến ngày 30 tháng 6 năm 2009

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 – 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí – Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Xuân Thắng	Chủ tịch
Ông Cao Tùng Sơn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24/3/2009)
Ông Đoàn Minh Mẫn	Thành viên
Ông Từ Cường	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24/3/2009)
Bà Nguyễn Thị Hiền	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24/3/2009)
Ông Phạm Đăng Nam	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24/3/2009)
Ông Nguyễn Đức Hòa	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24/3/2009)
Ông Phạm Thành Vinh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24/3/2009)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Đình Đức	Tổng Giám đốc
Ông Cao Tùng Sơn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 20/4/2009)
Ông Ngô Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1/5/2009)
Ông Nguyễn Đức Hòa	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 30/3/2009)
Ông Phạm Thành Vinh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/02/2009)
Ông Từ Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23/01/2009)
Ông Nguyễn Văn Tòng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 2/4/2009)
Bà Chu Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1/5/2009)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2009 đến 30/6/2009 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 7 năm 2009

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông của Tổng Công ty Phân bón và hóa chất dầu khí – Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí – Công ty Cổ phần và các công ty con (“Tổng Công ty”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến 30 tháng 6 năm 2009 phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Phạm Hoài Nam

Phó Tổng giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0042/KTV

Trần Huy Công

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0891/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 24 tháng 7 năm 2009

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009

MẪU B 01 – DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2009	31/12/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN				
(100 = 110+130+140+150)	100		4.329.046.020.935	2.692.502.473.588
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	3.098.955.440.746	942.714.032.012
1. Tiền	111		338.955.440.746	377.682.920.901
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.760.000.000.000	565.031.111.111
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		379.955.998.498	573.160.539.397
1. Phải thu của khách hàng	131		229.052.652.036	510.247.025.556
2. Trả trước cho người bán	132		113.076.528.740	44.679.499.799
3. Các khoản phải thu khác	135		37.826.817.722	18.234.014.042
III. Hàng tồn kho	140	5	791.111.843.773	1.111.308.774.968
1. Hàng tồn kho	141		799.723.039.704	1.745.083.357.015
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.611.195.931)	(633.774.582.047)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		59.022.737.918	65.319.127.211
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.699.589.267	7.745.648.304
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		38.901.047.452	47.830.387.092
3. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		538.629.996	1.173.687.501
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		13.883.471.203	8.569.404.314
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.006.902.720.695	2.499.869.838.369
(200=220+250+260)				
I. Tài sản cố định	220		1.441.060.698.489	1.899.295.208.973
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	1.208.263.245.356	1.682.719.544.377
- Nguyên giá	222		5.468.557.403.151	5.414.642.652.715
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.260.294.157.795)	(3.731.923.108.338)
2. Tài sản cố định vô hình	227	7	38.855.931.942	52.956.627.284
- Nguyên giá	228		173.336.896.583	173.060.462.521
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(134.480.964.641)	(120.103.835.237)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	193.941.521.191	163.619.037.312
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		217.528.019.755	205.536.189.207
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	10	11.000.000.000	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258	11	206.528.019.755	205.536.189.207
III. Tài sản dài hạn khác	260		348.314.002.451	395.038.440.189
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	340.717.258.575	387.207.005.193
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		6.996.279.876	6.996.279.876
3. Tài sản dài hạn khác	268		600.464.000	835.155.120
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		6.335.948.741.630	5.192.372.311.957

Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009

MẪU B 01 – DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2009	31/12/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.074.836.071.050	450.947.381.194
I. Nợ ngắn hạn	310		1.023.244.509.851	438.629.021.098
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	468.644.362.734	4.021.115.000
2. Phải trả cho người bán	312		149.932.835.899	204.924.151.695
3. Người mua trả tiền trước	313		63.334.480.048	55.018.091.126
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	83.635.901.920	16.442.465.388
5. Phải trả người lao động	315		1.027.533.019	35.928.528.647
6. Chi phí phải trả	316	15	242.563.171.674	86.331.022.045
7. Phải trả nội bộ	317		-	7.482.863.650
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	16	14.106.224.557	28.480.783.547
II. Nợ dài hạn	330		51.591.561.199	12.318.360.096
1. Phải trả dài hạn khác	333		-	90.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	17	42.376.765.841	3.049.051.188
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		9.214.795.358	9.179.308.908
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400	18	5.239.581.794.564	4.719.423.149.172
I. Vốn chủ sở hữu	410		5.204.587.440.410	4.687.778.303.849
1. Vốn điều lệ	411		3.800.000.000.000	3.800.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		209.233.309	-
2. Cổ phiếu quỹ	414		(43.296.089.299)	(35.052.843.575)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		292.978.388.035	87.293.327.821
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		195.383.264.193	58.195.551.881
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		75.150.037	-
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		959.237.494.135	777.342.267.722
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		34.994.354.154	31.644.845.323
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		34.994.354.154	31.644.845.323
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		21.530.876.016	22.001.781.591
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		6.335.948.741.630	5.192.372.311.957

Nguyễn Văn Tòng

Phó Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 7 năm 2009

Huỳnh Kim Nhân

Kế toán trưởng

Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009**MẪU B 02 – DN/HN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009	Từ 1/1/2008 đến 30/6/2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	4.098.307.596.307	3.058.826.580.790
2. Các khoản giảm trừ	02		38.086.702.243	15.622.704.118
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.060.220.894.064	3.043.203.876.672
4. Giá vốn hàng bán	11		2.984.729.959.509	1.770.018.708.512
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.075.490.934.555	1.273.185.168.160
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	70.340.172.849	72.028.252.930
7. Chi phí tài chính	22	20	44.254.997.559	28.975.097.780
8. Chi phí bán hàng	24		144.206.203.320	57.841.385.155
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		122.737.040.930	71.593.298.229
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	30		834.632.865.595	1.186.803.639.926
11. Thu nhập khác	31		4.538.315.113	3.800.584.838
12. Chi phí khác	32		148.286.598	258.786.580
13. Lợi nhuận khác	40		4.390.028.515	3.541.798.258
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		839.022.894.110	1.190.345.438.184
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		82.854.235.374	87.117.263.674
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		6.532.090	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		756.162.126.646	1.103.228.174.510
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		651.786.608	-
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		755.510.340.038	1.103.228.174.510
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	1.993	2.905

Nguyễn Văn Tòng
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 7 năm 2009

Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng

Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009

MẪU B 03 – DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009	Từ 1/1/2008 đến 30/6/2008
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	839.022.894.110	1.190.345.438.184
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	542.838.249.264	536.638.969.621
Các khoản dự phòng	03	(625.163.386.116)	155.563.202.716
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	04	25.843.509.824	7.200.000.000
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(84.599.561.738)	(66.580.535.553)
Chi phí lãi vay	06	8.315.661.236	17.235.325.063
3. Lưu chuyển tiền thuần trước thay đổi vốn lưu động	08	706.257.366.580	1.840.402.400.031
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	199.839.184.055	(26.733.212.083)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	945.360.317.311	(1.695.555.213.532)
(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay và thuế thu nhập doanh nghiệp)	11	105.632.183.159	(231.513.354.678)
(Tăng) chi phí trả trước và tài sản khác	12	53.020.827.031	42.428.382.483
Lãi vay đã trả	13	(8.315.661.236)	(18.695.343.288)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(13.529.681.018)	(29.588.728.292)
Thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	134.900.000
Chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(37.719.390.884)	(27.073.855.849)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.950.545.144.999	(146.194.025.208)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(156.928.730.545)	(49.761.379.584)
2. Chi đầu tư dài hạn	25	(11.991.830.548)	(30.720.000.000)
3. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	78.260.379.997	66.430.684.441
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(90.660.181.096)	(14.050.695.143)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(8.243.245.724)	(28.785.785.000)
2. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	767.602.472.958	-
3. Trả nợ gốc vay	34	(275.251.803.574)	(290.052.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(187.663.843.336)	(377.018.048.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	296.443.580.324	(695.855.833.000)
Tăng (giảm) tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ	50	2.156.328.544.226	(856.100.553.351)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	942.714.032.012	1.972.351.999.312
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(87.135.492)	-
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	3.098.955.440.746	1.116.251.445.961

Nguyễn Văn Tông

Phó Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 7 năm 2009

Huỳnh Kim Nhân

Kế toán trưởng

Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí – Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31/08/2007 và sửa đổi ngày 15/05/2008 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con kể từ ngày 1/9/2008.

Công ty mẹ của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí – Công ty Cổ phần là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, nắm giữ 61,37% vốn điều lệ.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) bao gồm sản xuất và kinh doanh phân đạm, ammoniac lỏng, khí công nghiệp, các sản phẩm hóa chất khác; các dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Sản xuất kinh doanh điện; Kinh doanh bất động sản, mua bán hàng nông lâm sản, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa, chế biến các sản phẩm dầu khí và khoáng sản và đào tạo nghề.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 là 1.541 người (31/12/2008: 1.102 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Đây là báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2 Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các Báo cáo tài chính của Tổng Công ty và các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty để thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con thống nhất.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyên đổi của các khoản này.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền trừ giá gốc nguyên vật liệu được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 do Bộ Tài chính ban hành như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 20
Máy móc, thiết bị	3 – 6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 – 5

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÀU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình phản ánh chi phí giải phóng mặt bằng, phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Trong đó: chi phí giải phóng mặt bằng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm, phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư này được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác được thực hiện theo các qui định hiện hành.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê đất, chi phí lợi thế kinh doanh và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa với số tiền 531.700.794.477 đồng và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 6 năm từ ngày 1/1/2007. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, việc phân bổ lợi thế thương mại trong thời gian 6 năm là phù hợp quy định về tài chính đối với doanh nghiệp cổ phần hóa của Nhà nước, cũng như phù hợp với thời gian khấu hao tài sản cố định của dây chuyền sản xuất.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và chi phí bảo hiểm tài sản. Chi phí công cụ, dụng cụ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành. Chi phí bảo hiểm tài sản được phân bổ theo thời gian thực tế mua bảo hiểm.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2 Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Đối với hoạt động kinh doanh phân đạm sản xuất tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ: Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% tính trên thu nhập chịu thuế. Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% cho bảy năm tiếp theo. Năm 2009 là năm thứ hai Tổng Công ty tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động chính do đây là năm thứ sáu kinh doanh có lãi (kể từ khi đi vào hoạt động).

Đối với các hoạt động kinh doanh khác: Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 28% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2 Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****Thuế (tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/6/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.123.263.763	1.977.229.032
Tiền gửi ngân hàng	337.832.176.983	375.705.691.869
Các khoản tương đương tiền	2.760.000.000.000	565.031.111.111
	<u>3.098.955.440.746</u>	<u>942.714.032.012</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại các ngân hàng thương mại và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần dầu khí Việt Nam.

5. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/6/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	12.689.268.535	6.529.806.927
Nguyên liệu, vật liệu	312.397.748.106	304.651.138.635
Công cụ, dụng cụ	1.036.012.483	8.362.137.594
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	23.360.301.747	102.603.472.862
Thành phẩm	88.029.763.578	35.947.898.937
Hàng hóa	359.640.116.902	1.286.988.902.060
Hàng gửi đi bán	2.569.828.353	-
	<u>799.723.039.704</u>	<u>1.745.083.357.015</u>
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(8.611.195.931)	(633.774.582.047)
Giá trị thuần có thể thực hiện được	<u>791.111.843.773</u>	<u>1.111.308.774.968</u>

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho chủ yếu liên quan đến giá trị hàng hóa nhập khẩu còn tồn kho tại ngày 30/6/2009 với giá gốc tương ứng là 64.138.039.699 VND (31/12/2008: 1.286.987.724.339 VND).

Thay đổi dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Từ 1/1/2009</u>	<u>Từ 1/1/2008</u>
	<u>đến 30/6/2009</u>	<u>đến 30/6/2008</u>
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	633.774.582.047	-
Tăng thêm trong kỳ	10.553.970.176	-
Hoàn nhập trong kỳ	(635.717.356.292)	-
Số dư cuối kỳ	<u>8.611.195.931</u>	<u>-</u>

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2 Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09 – DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2009	574.124.840.607	4.773.763.068.403	54.802.001.193	11.952.742.512	5.414.642.652.715
Tăng do mua sắm	163.454.545	531.034.000	-	3.307.166.730	4.001.655.275
XCDB hoàn thành	47.993.769.332	1.685.181.272	324.214.960	-	50.003.165.564
Thanh lý	-	-	-	(90.070.403)	(90.070.403)
Tại ngày 30/6/2009	622.282.064.484	4.775.979.283.675	55.126.216.153	15.169.838.839	5.468.557.403.151
KHẤU HAO LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2009	322.391.510.354	3.369.221.069.785	33.698.583.780	6.611.944.419	3.731.923.108.338
Khấu hao trong kỳ	60.082.578.641	461.724.855.926	5.103.843.183	1.549.842.110	528.461.119.860
Thanh lý	-	-	-	(90.070.403)	(90.070.403)
Tại ngày 30/6/2009	382.474.088.995	3.830.945.925.711	38.802.426.963	8.071.716.126	4.260.294.157.795
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 1/1/2009	251.733.330.253	1.404.541.998.618	21.103.417.413	5.340.798.093	1.682.719.544.377
Tại ngày 30/6/2009	239.807.975.489	945.033.357.964	16.323.789.190	7.098.122.713	1.208.263.245.356

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền sáng chế	Chi phí giải phóng mặt bằng	Phần mềm	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 1/1/2009	159.117.493.074	9.538.318.032	4.404.651.415	173.060.462.521
Mua trong kỳ	-	-	276.434.062	276.434.062
Tại ngày 30/6/2009	159.117.493.074	9.538.318.032	4.681.085.477	173.336.896.583
KHẤU HAO LŨY KẾ				
Tại ngày 1/1/2009	113.443.256.181	6.382.949.682	277.629.374	120.103.835.237
Trích trong năm	13.139.126.988	787.626.606	450.375.810	14.377.129.404
Tại ngày 30/6/2009	126.582.383.169	7.170.576.288	728.005.184	134.480.964.641
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 1/1/2009	45.674.236.893	3.155.368.350	4.127.022.041	52.956.627.284
Tại ngày 30/6/2009	32.535.109.905	2.367.741.744	3.953.080.293	38.855.931.942

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009	Từ 1/1/2008 đến 30/6/2008
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	163.619.037.312	27.230.037.407
Tăng thêm trong kỳ	80.325.649.443	35.996.174.983
Kết chuyển sang tài sản cố định	(50.003.165.564)	-
Số dư cuối kỳ	193.941.521.191	63.226.212.390

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2 Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất***9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2009 như sau:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ Phân bón và Hóa chất dầu khí	Tp.Hồ Chí Minh	100%	Kinh doanh phân bón và hóa chất
2	Công ty TNHH MTV Phân bón hóa chất dầu khí Miền Trung	Bình Định	100%	Kinh doanh phân bón và hóa chất
3	Công ty TNHH MTV Phân bón hóa chất dầu khí Miền Tây Nam Bộ	Cần Thơ	100%	Kinh doanh phân bón và hóa chất
4	Công ty TNHH MTV Phân bón hóa chất dầu khí Miền Đông Nam Bộ	Tp.Hồ Chí Minh	100%	Kinh doanh phân bón và hóa chất
5	Công ty TNHH MTV Phân bón hóa chất dầu khí Miền Bắc	Hà Nội	100%	Kinh doanh phân bón và hóa chất
6	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Tp.Hồ Chí Minh	51%	Sản xuất bao bì

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Giá trị đầu tư vào công ty liên kết phản ánh khoản góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Nhơn Trạch - PVC Nhơn Trạch, với tư cách cổ đông sáng lập. Số vốn cam kết góp là 11 tỷ đồng, tương ứng 1.100.000 cổ phần, chiếm 20% tổng vốn điều lệ của Công ty cổ phần. Đến ngày 30/6/2009, Tổng Công ty đã góp đủ vốn điều lệ theo cam kết tại Biên bản Đại hội đồng cổ đông thành lập.

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/6/2009	31/12/2008
	VND	VND
Góp vốn vào dự án 43 Mạc Đĩnh Chi	161.423.636.834	155.031.806.286
Đầu tư cổ phiếu	45.104.382.921	40.504.382.921
Đầu tư trái phiếu	-	10.000.000.000
	206.528.019.755	205.536.189.207

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2009	31/12/2008
	VND	VND
Trả trước tiền thuê đất	12.584.529.530	12.915.533.472
Lợi thế kinh doanh	310.158.796.775	354.467.196.316
Chi phí trả trước khác	17.973.932.271	19.824.275.405
	340.717.258.575	387.207.005.193

Tiền thuê đất trả trước bao gồm:

- Tiền thuê đất KCN Phú Mỹ 1 phản ánh số tiền thuê 634.595,35 m² đất được trả trước cho Công ty Đầu tư và Khai thác Hạ tầng KCN Đông Xuyên và Phú Mỹ 1 với thời gian thuê là 17 năm từ ngày 3/9/2004.
- Tiền thuê đất cụm công nghiệp Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn phản ánh số tiền thuê 20.000 m² đất được trả trước cho Công ty Cổ phần dịch vụ phát triển hạ tầng PBC với thời gian thuê là 45 năm từ ngày 1/1/2007.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2 Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất***13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>30/6/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VND	VND
Vietcombank - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh (1)	249.595.654.191	-
MHB - Chi nhánh Sài Gòn (2)	81.642.330.000	-
PVFC - Chi nhánh Sài Gòn (3)	55.000.000.000	-
Vietcombank - Chi nhánh Quy Nhơn (4)	14.979.525.000	-
BIDV - Chi nhánh Bình Định (5)	53.326.400.000	-
Vietcombank - Chi nhánh Vũng Tàu (6)	14.100.453.543	4.021.115.000
	<u>468.644.362.734</u>	<u>4.021.115.000</u>

- (1) Khoản vay bằng VND và ngoại tệ theo Hợp đồng tín dụng số 0056/KH/09NH ngày 11 tháng 3 năm 2009, hạn mức tín dụng là 300 tỷ VND đến ngày 28/2/2010, lãi suất được quy định cho từng lần rút vốn, điều chỉnh 3 tháng 1 lần, trả lãi hàng tháng. Tại ngày 30/6/2009, Tổng Công ty chịu lãi suất 5,5%/năm cho khoản vay bằng EUR và 9,82%/năm trừ 4%/năm hỗ trợ lãi suất cho khoản vay bằng VND theo quy định hiện hành.
- (2) Khoản vay bằng VND theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số HM.1261.09/HĐTD ngày 01 tháng 6 năm 2009 với thời hạn 6 tháng kể từ ngày 01/6/2009, lãi suất thả nổi bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng + 0,27%/tháng, nhưng tối thiểu là 8,8%/năm, trả lãi hàng tháng.
- (3) Khoản vay bằng VND theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 03/2009/HĐTD-TCĐK-22.16 ký ngày 09 tháng 3 năm 2009 và Phụ lục số 01 PL/03/2009/HĐTD-CNSG-TD ngày 23 tháng 4 năm 2009 với thời hạn 3 tháng kể từ ngày 27/4/2009, lãi suất 9%/năm trừ 4%/năm hỗ trợ lãi suất cho khoản vay bằng VND theo quy định hiện hành, trả lãi hàng tháng.
- (4) Khoản vay bằng VND theo Hợp đồng tín dụng số 333/NHNT-QN ngày 28 tháng 4 năm 2009 với thời hạn 3 tháng kể từ ngày 28/4/2009, lãi suất 0,8125%/năm trừ 4%/năm hỗ trợ theo quy định hiện hành, trả lãi hàng tháng.
- (5) Khoản vay bằng VND theo Hợp đồng tín dụng số 01/2009/HĐ ngày 14 tháng 4 năm 2009 với thời hạn 3 tháng kể từ 15/4/2009, lãi suất 9%/năm và được hỗ trợ 4% theo quy định hiện hành, trả lãi hàng tháng.
- (6) Khoản vay bằng VND theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2009/DPM/HĐHM ngày 28 tháng 4 năm 2009, hạn mức tín dụng là 15 tỷ VND, thời hạn cho vay là 4 tháng kể từ ngày rút vốn, lãi suất được xác định theo từng giấy nhận nợ và được hỗ trợ 4% theo quy định hiện hành, lãi vay được trả từ ngày 25 đến ngày 30 hàng tháng.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/6/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	8.882.014.696	6.014.050.455
Thuế thu nhập doanh nghiệp	74.428.625.478	5.747.020.822
Thuế thu nhập cá nhân	27.160.729	4.519.011.524
Thuế phí, lệ phí khác	298.101.017	162.382.587
	<u>83.635.901.920</u>	<u>16.442.465.388</u>

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2 Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất***15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>30/6/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VND	VND
Chi phí mua khí tháng 6/2009	60.035.115.404	-
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	110.626.023.370	73.626.023.370
Chi phí an sinh xã hội	44.840.000.000	-
Khác	27.062.032.900	12.704.998.675
	<u>242.563.171.674</u>	<u>86.331.022.045</u>

Tổng Công ty có kế hoạch bảo dưỡng và sửa chữa Nhà máy Đạm Phú Mỹ trong năm 2009 với chi phí dự kiến là 4.336.809,91 USD tương đương với 73.626.023.370 VND, năm 2010 là 74.000.000.000 VND (Tổng Công ty đã trích trước toàn bộ chi phí sửa chữa bảo dưỡng năm 2009 và 50% năm 2010).

Chi phí an sinh xã hội phản ánh chi phí Tổng Công ty tham gia vào chương trình “An sinh xã hội” của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để tham gia các chương trình từ thiện xã hội, khắc phục thiên tai, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nhà đại đoàn kết, trường học, bệnh viện và các công trình công cộng phục vụ xã hội... Số tiền Tổng Công ty cam kết đóng góp trong năm 2009 là 100 tỷ đồng, trong đó trích trước vào chi phí 6 tháng đầu năm 2009 là 50 tỷ đồng.

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>30/6/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VND	VND
Phải trả cổ tức	6.114.459.664	4.278.303.000
Phải trả phải nộp khác	7.991.764.893	24.202.480.547
	<u>14.106.224.557</u>	<u>28.480.783.547</u>

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>30/6/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Á Châu (1)	40.527.714.653	-
Vietcombank - Chi nhánh Vũng Tàu (2)	1.849.051.188	3.049.051.188
	<u>42.376.765.841</u>	<u>3.049.051.188</u>

(1) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 60095579 ngày 29/5/2009 với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu và Ngân hàng TMCP Á Châu với số tiền vay là 23.905.925 USD, trong đó Ngân hàng TMCP Á Châu cho vay 7.200.000 USD, Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí cho vay 16.705.925 USD. Mục đích của khoản vay là thanh toán chi phí đầu tư Hệ thống sản xuất CO₂ từ khói thải Primary Reformer tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong đó thời gian ân hạn là 24 tháng, thời gian trả nợ gốc là 96 tháng kể từ khi kết thúc thời gian ân hạn. Hình thức đảm bảo tiền vay là thế chấp Hệ thống nhà xưởng, máy móc thiết bị sản xuất CO₂ hình thành qua đầu tư dự án theo các điều khoản của Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay số SGD.TK.01140509 ngày 19/5/2009 và Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị hình thành trong tương lai số SGD.CCO.01140509 ngày 19/5/2009. Lãi suất vay phụ thuộc đồng tiền giải ngân và được xác định trên cơ sở không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu của Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí hoặc lãi suất cho vay ưu đãi bình quân của Ngân hàng TMCP Á Châu và Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí. Tính đến ngày 30/6/2009, số dư nợ vay của hợp đồng này là 2.390.592,5 USD tương đương 40.527.714.653 đồng.

(2) Khoản vay bằng VND theo Thỏa thuận ngày 26 tháng 6 năm 2008 về việc kế thừa quyền và nghĩa vụ của Hợp đồng số HP-2004/DH-NMBB ngày 8 tháng 6 năm 2004 giữa Công ty TNHH Du lịch – Sản Xuất – Thương mại Hưng Phong và Chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương Vũng Tàu, lãi suất 10,5%/năm, trả gốc và lãi 3 tháng 1 lần đến ngày 30/9/2009.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn điều lệ	Vốn chủ sở hữu khác	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 1/1/2009	3.800.000.000.000	-	(35.052.843.575)	87.293.327.821	58.195.551.881	-	777.342.267.722
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	755.510.340.038
Mua cổ phiếu quỹ (1)	-	-	(8.243.245.724)	-	-	-	-
Bổ sung từ lợi nhuận (2)	-	-	-	205.894.293.523	137.187.712.312	75.150.037	(383.931.210.809)
Trả cổ tức (3)	-	-	-	-	-	-	(189.500.000.000)
Tặng khác	-	209.233.309	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(209.233.309)	-	-	(183.902.816)
Số dư tại 30/6/2009	3.800.000.000.000	209.233.309	(43.296.089.299)	292.978.388.035	195.383.264.193	75.150.037	959.237.494.135

(1): Trong kỳ, Tổng Công ty đã thực hiện mua tổng số 278.180 cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông lần 1 ngày 5/4/2008.

(2): Trong kỳ, Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và hóa chất dầu khí đã trích lập bổ sung các quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính theo số tiền tương ứng 205.894.293.523 VND, 137.187.712.312 VND trên lợi nhuận sau thuế của năm kết thúc 31/12/2008 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần 2 thông qua ngày 24/3/2009.

(3): Ngày 24/3/2009, Tổng Công ty đã công bố và chi trả cổ tức cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 là 760.000.000.000 đồng (2.000 đồng/cổ phần) theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông lần 2 ngày 24/3/2009. Ngày 12/9/2008 và 5/12/2008, Tổng Công ty đã công bố và tạm chia cổ tức của năm là 397.320.000.000 (1.000 đồng/cổ phần) và 189.655.000.000 đồng (500 đồng/cổ phần), do đó Tổng Công ty trích thêm 189.500.000.000 đồng (500 đồng/cổ phần) trong giai đoạn từ ngày 1/1/2009 đến 30/6/2009.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

Chi tiết vốn điều lệ của Tổng Công ty như sau:

<u>Tên cổ đông</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>30/6/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	<u>(%)</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	61,37	2.332.042.530.000	2.332.042.530.000
Các cổ đông khác	38,63	1.467.957.470.000	1.467.957.470.000
	100	3.800.000.000.000	3.800.000.000.000

Số lượng cổ phần Tổng Công ty đăng ký và đã phát hành ra công chúng tại ngày 30/6/2009 là 380.000.000 cổ phần, trong đó công ty đang nắm giữ 1.000.000 cổ phiếu quỹ tương đương với 1.000.000 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

19. DOANH THU VÀ GIÁ VỐN THEO BỘ PHẬN KINH DOANH

Công ty báo cáo hoạt động theo hai bộ phận kinh doanh: kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước và kinh doanh hàng hóa nhập khẩu. Kết quả kinh doanh theo bộ phận trong kỳ như sau:

Từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009

	<u>Kinh doanh hàng hóa</u>	<u>Kinh doanh hàng hóa</u>	<u>Cộng</u>
	<u>sản xuất trong nước</u>	<u>nhập khẩu</u>	
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu	2.060.478.593.863	1.999.742.300.201	4.060.220.894.064
Giá vốn hàng bán	(1.070.991.959.315)	(1.913.738.000.194)	(2.984.729.959.509)
Lợi nhuận gộp	<u>989.486.634.548</u>	<u>86.004.300.007</u>	<u>1.075.490.934.555</u>

Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã ghi giảm giá vốn hàng bán bộ phận kinh doanh hàng hóa nhập khẩu trong kỳ là 635.717.356.292 đồng (Thuyết minh số 5)

Từ ngày 1/1/2008 đến ngày 30/6/2008

	<u>Kinh doanh hàng hóa</u>	<u>Kinh doanh hàng hóa</u>	<u>Cộng</u>
	<u>sản xuất trong nước</u>	<u>nhập khẩu</u>	
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu	2.314.184.135.098	729.019.741.574	3.043.203.876.672
Giá vốn hàng bán	(917.347.923.321)	(852.670.785.191)	(1.770.018.708.512)
Lợi nhuận gộp	<u>1.396.836.211.777</u>	<u>(123.651.043.617)</u>	<u>1.273.185.168.160</u>

Chi tiết doanh thu kinh doanh hàng hóa như sau:

	<u>Từ 1/1/2009</u>	<u>Từ 1/1/2008</u>
	<u>đến 30/6/2009</u>	<u>đến 30/6/2008</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu URE	2.024.231.052.053	2.218.316.716.778
Doanh thu Amoniac	58.593.016.875	110.573.129.566
Doanh thu điện	1.337.261.364	878.641.519
Doanh thu hàng hóa nhập khẩu	1.999.742.300.201	729.019.741.574
Doanh thu khác	14.403.965.814	38.351.353,00
	<u>4.098.307.596.307</u>	<u>3.058.826.580.790</u>

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2 Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất***20. DOANH THU VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009	Từ 1/1/2008 đến 30/6/2008
	VND	VND
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	59.944.346.350	66.430.684.441
Khác	10.395.826.499	5.597.568.489
	70.340.172.849	72.028.252.930
Chi phí hoạt động tài chính		
Lãi tiền vay	8.315.661.236	17.235.325.063
Khác	35.939.336.323	11.739.772.717
	44.254.997.559	28.975.097.780
Lãi hoạt động tài chính	26.085.175.290	43.053.155.150

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được thực hiện trên các cơ sở số liệu sau :

	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009	Từ 1/1/2008 đến 30/6/2008
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	755.510.340.038	1.103.228.174.510
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	379.112.194	379.759.835
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.993	2.905

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009	Từ 1/1/2008 đến 30/6/2008
	VND	VND
Trả cổ tức cho Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	116.602.748.768	233.204.253.000
Bán đạm cho các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	103.780.657.494	75.717.904.762
Mua khí đầu vào từ Tổng Công ty Khí Việt Nam	367.743.828.387	305.862.098.547
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	4.767.032.081	3.563.462.835

Số dư với các bên liên quan:

	30/6/2009	31/12/2008
	VND	VND
Phải trả Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	-	7.831.440.064
Ứy thác vốn tại Tổng Công ty CP Tài chính Dầu khí	580.000.000.000	220.031.111.111
Phải trả Tổng Công ty khí Việt Nam	135.311.933.849	144.433.524.088
Phải trả Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	28.564.128.583	28.564.128.583
Ứng trước Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	30.899.965.223	18.493.713.076

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2 Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất***23. CÁC KHOẢN CAM KẾT****Cam kết thuê hoạt động**

Từ ngày 03/09/2005, Tổng Công ty đã tiếp nhận Hợp đồng thuê lại đất số 178/HĐ/TLĐ/UDEC.2001 ngày 01/06/2001 được ký giữa Ban Quản lý Dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ với Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thuê dài hạn đất và cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hợp đồng thuê có thời hạn 17 năm kể từ ngày 3/9/2004 với tiền thuê và phí sử dụng hạ tầng phải trả hàng năm là 262.915,56 USD/năm.

Ngày 2/6/2008, Tổng Công ty đã ký hợp đồng số 015 GT/2008-HDTC với Công ty Cổ phần Gemadepht thuê văn phòng với thời hạn 3 năm và giá trị là 21,9 tỷ VND/năm.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, lịch thanh toán các khoản cam kết thuê như sau:

	<u>30/6/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	27.228.045.620	25.228.749.620
Từ năm thứ hai đến năm thứ 5	41.317.011.990	43.807.660.901
Sau năm năm	22.228.967.618	23.039.586.373
	<u>90.774.025.228</u>	<u>92.075.996.894</u>

Cam kết vốn

Theo Quyết định số 033/ĐQ-HĐQT ngày 24/03/2008, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống sản xuất CO2 từ khói thải Primary Reformer tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ với tổng mức đầu tư là 368.757.439.000 VND và đã được điều chỉnh là 606.869.000.000 VND theo Quyết định số 164/QĐ-HĐQT ngày 16/10/2008.

Cam kết khác

Theo Hợp đồng mua bán khí 188/2006-2007/PVGAS/TM-PVFCCO/B1 ngày 31 tháng 3 năm 2006 và các Phụ lục, giá mua khí tại bể khí Cửu Long trong năm 2009 là 2,2 USD/MMBTU (2008: 2,2 USD/MMBTU) và giá khí Nam Côn Sơn là 3,41 USD/MMBTU đến 31/3/2009 và 3,48 USD/MMBTU đến 31/12/2009 (2008 3,41 USD/MMBTU).